



Bệnh Do Vi-rút Corona 2019 (COVID-19)

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Trang web này được cập nhật thường xuyên. Một số nội dung có thể còn bằng tiếng Anh cho đến khi được dịch hết.

Số ca bệnh tại Hoa Kỳ

Cập nhật lần cuối vào ngày 24 tháng 6 năm 2020

TỔNG SỐ CA BỆNH

2,336,615

34,313 Số ca bệnh mới*

TỔNG SỐ CA TỬ VONG

121,117

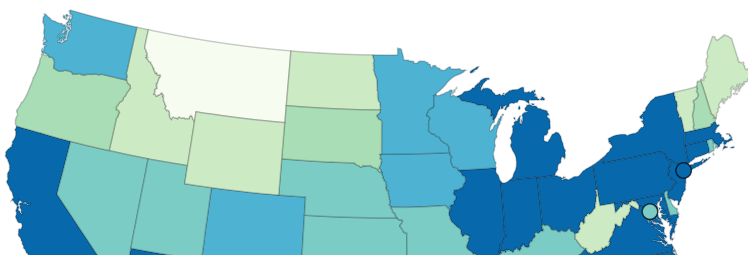
784 Số Ca Tử Vong Mới*



Số ca bệnh và tử vong theo khu vực phân quyền

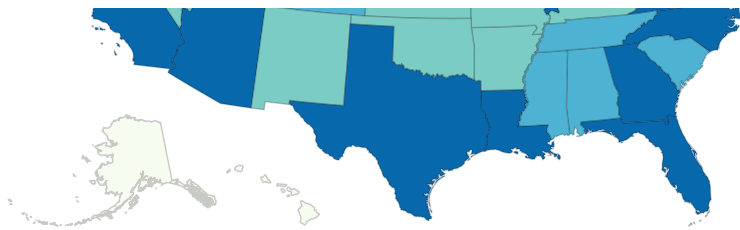
40 khu vực phân quyền báo cáo hơn 10,000 ca bệnh COVID-19.

Bản đồ này hiển thị số ca bệnh và tử vong do COVID-19 theo báo cáo của các tiểu bang của Hoa Kỳ, Thủ đô Washington, Thành phố New York và các khu vực phân quyền trực thuộc Hoa Kỳ khác. Di chuột trên bản đồ để xem số ca bệnh và tử vong được báo cáo cho mỗi khu vực phân quyền. Để truy cập trang web của sở y tế của một khu vực phân quyền, nhấp vào khu vực đó trên bản đồ.



Các Ca Bệnh Đã Được Báo Cáo

- 0 đến 1.000
- 1,001 đến 5,000
- 5,001 đến 10,000
- 10,001 đến 20,000



○ 20,001 đến 40,000 ○ 40.001 trở lên

AS GU MH FM MP PW PR VI



Khu vực phân quyền

Khu vực phân	Tổng Số Ca	Số ca bệnh đã	Số ca bệnh có	Tổng số tử vong	Số tử vong đã	Số tử vong có t
<input type="radio"/> Alabama	32,086	30,803	441	890	860	10
<input type="radio"/> Alaska	792	N/A	N/A	12	N/A	N/A
<input type="radio"/> American Samoa	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Arizona	59,974	57,799	388	1,463	1,291	97
<input type="radio"/> Arkansas	17,375	N/A	N/A	240	N/A	N/A
<input type="radio"/> California	190,222	N/A	N/A	5,632	N/A	N/A
<input type="radio"/> Colorado	31,155	28,138	2,781	1,667	1,330	332
<input type="radio"/> Connecticut	45,913	43,954	1,959	4,287	3,423	864
<input type="radio"/> Delaware	10,980	9,834	1,055	507	447	58
<input type="radio"/> Washington D.C.	10,128	N/A	N/A	541	N/A	N/A
<input type="radio"/> Florida	106,743	N/A	N/A	3,281	N/A	N/A
<input type="radio"/> Georgia	69,381	N/A	N/A	2,698	N/A	N/A
<input type="radio"/> Guam	231	N/A	N/A	5	N/A	N/A
<input type="radio"/> Hawaii	766	N/A	N/A	17	N/A	N/A
<input type="radio"/> Idaho	4,645	3,943	479	90	69	20
<input type="radio"/> Illinois	139,540	137,825	1,000	6,974	6,707	204
<input type="radio"/> Indiana	43,140	N/A	N/A	2,578	2,377	192
<input type="radio"/> Iowa	26,705	N/A	N/A	692	N/A	N/A
<input type="radio"/> Kansas	12,970	12,465	267	261	N/A	N/A
<input type="radio"/> Kentucky	14,363	13,937	426	538	534	4
<input type="radio"/> Louisiana	52,477	N/A	N/A	3,152	3,021	113
<input type="radio"/> Maine	3,071	2,655	340	103	N/A	N/A
<input type="radio"/> Marshall Islands	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Maryland	65,777	N/A	N/A	3,129	2,978	128
<input type="radio"/> Massachusetts	107,611	102,651	4,849	7,938	7,710	186
<input type="radio"/> Michigan	68,555	61,630	6,602	6,114	5,864	246
<input type="radio"/> Micronesia	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Minnesota	33,763	N/A	N/A	1,432	1,397	35
<input type="radio"/> Mississippi	23,424	23,268	156	1,011	994	17
<input type="radio"/> Missouri	18,868	N/A	N/A	975	N/A	N/A

<input type="radio"/> Montana	803	766	0	21	21	0
<input type="radio"/> Nebraska	18,221	N/A	N/A	257	N/A	N/A
<input type="radio"/> Nevada	14,592	N/A	N/A	516	N/A	N/A
<input type="radio"/> New Hampshire	5,598	N/A	N/A	347	N/A	N/A
<input type="radio"/> New Jersey	169,892	N/A	N/A	12,995	N/A	N/A
<input type="radio"/> New Mexico	10,990	N/A	N/A	480	N/A	N/A
<input type="radio"/> New York	176,318	N/A	N/A	8,636	N/A	N/A
<input type="radio"/> New York City	215,192	210,185	4,669	22,384	17,685	4,669
<input type="radio"/> North Carolina	56,174	N/A	N/A	1,271	N/A	N/A
<input type="radio"/> North Dakota	3,362	N/A	N/A	78	N/A	N/A
<input type="radio"/> Northern Marian	30	30	0	2	2	0
<input type="radio"/> Ohio	46,759	42,767	3,396	2,755	2,497	239
<input type="radio"/> Oklahoma	10,759	10,740	19	382	382	0
<input type="radio"/> Oregon	7,444	7,018	259	195	190	2
<input type="radio"/> Palau	0	N/A	N/A	0	N/A	N/A
<input type="radio"/> Pennsylvania	83,770	80,810	2,396	6,557	N/A	N/A
<input type="radio"/> Puerto Rico	6,877	1,577	5,298	151	57	94
<input type="radio"/> Rhode Island	16,606	N/A	N/A	912	N/A	N/A
<input type="radio"/> South Carolina	27,897	26,572	55	683	673	0
<input type="radio"/> South Dakota	6,419	N/A	N/A	84	84	0
<input type="radio"/> Tennessee	37,235	36,048	266	556	521	21
<input type="radio"/> Texas	125,921	N/A	N/A	2,249	N/A	N/A
<input type="radio"/> Utah	19,185	18,660	0	165	163	0
<input type="radio"/> Vermont	1,184	N/A	N/A	56	N/A	N/A
<input type="radio"/> Virgin Islands	80	N/A	N/A	6	N/A	N/A
<input type="radio"/> Virginia	59,946	56,956	2,562	1,675	1,559	103
<input type="radio"/> Washington	29,869	N/A	N/A	1,293	N/A	N/A
<input type="radio"/> West Virginia	2,629	2,505	88	92	N/A	N/A
<input type="radio"/> Wisconsin	28,593	25,331	2,830	764	750	7
<input type="radio"/> Wyoming	1,282	992	266	20	20	0

New York State's case and death counts do not include New York City's counts.

Thêm Bản Đồ Hoa Kỳ vào Trang Web của Quý Vị

Số ca bệnh và tử vong theo quận

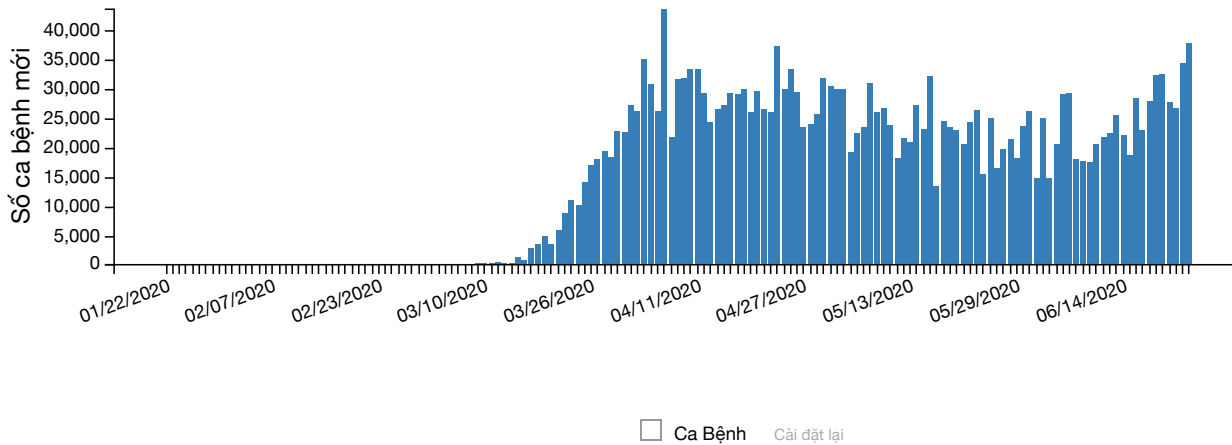
Chọn một tiểu bang để xem số ca bệnh và tử vong theo quận. Dữ liệu này được cung cấp từ USAFacts.org

Chọn một Tiểu Bang

Hiển Thị Dữ Liệu Quốc Gia

Ca Bệnh Mới theo Ngày

Biểu đồ sau đây cho thấy số ca bệnh COVID-19 mới được báo cáo mỗi ngày ở Hoa Kỳ kể từ khi bắt đầu bùng phát. Di chuột qua các thanh để xem số ca bệnh mới theo ngày.



Xem dữ liệu

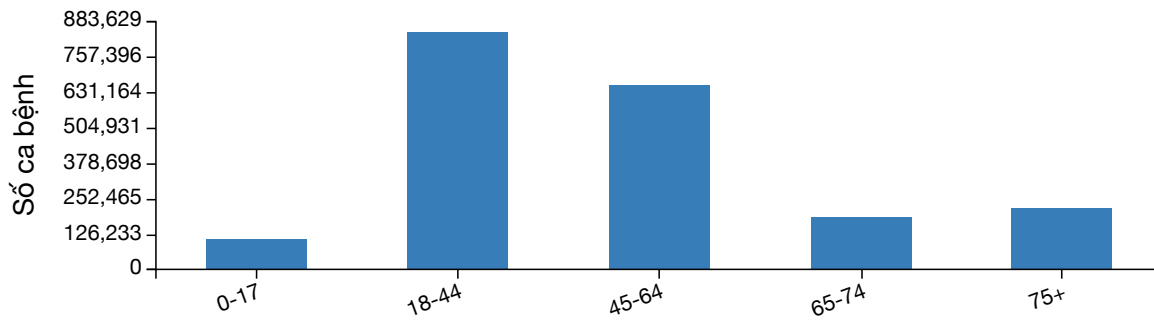
	01/22/2020	01/23/2020	01/24/2020	01/25/2020	01/26/2020	01/27/2020	01/28/2020	01/29/2020	01/30/2020
Ca Bệnh	1	0	1	0	3	0	0	0	0

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Số ca bệnh theo độ tuổi

Biểu đồ sau thể hiện độ tuổi của người mắc COVID-19. Di chuột qua từng thanh hoặc nhấp vào dấu cộng (+) bên dưới biểu đồ để xem số ca bệnh theo từng nhóm tuổi.

Dữ liệu được thu thập từ 1.985.073 người và dữ liệu độ tuổi có sẵn cho 1.982.114 (99,9%) người.



Xem dữ liệu

	0-17	18-44	45-64	65-74	75+
Số ca bệnh	109,146	846,749	656,284	187,977	217,017

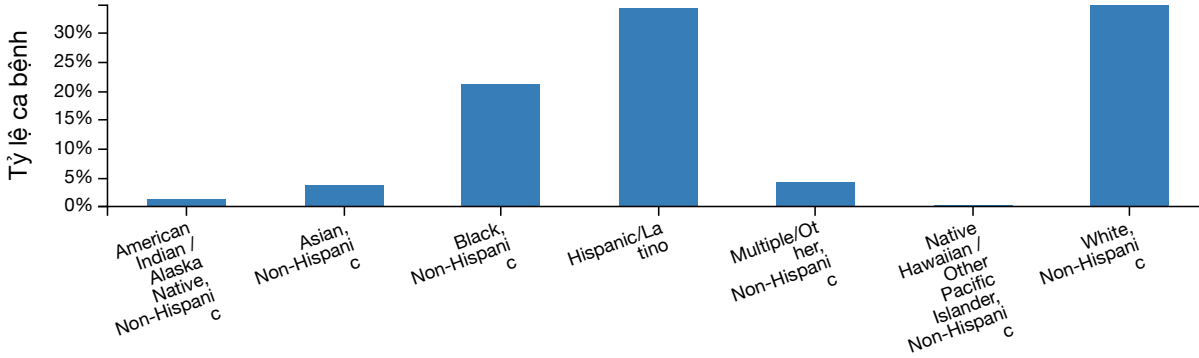
Các ca bệnh theo chủng tộc/dân tộc

Biểu đồ sau đây cho thấy chủng tộc/dân tộc của những người mắc COVID-19. Di chuột qua từng thanh hoặc nhấp vào dấu cộng (+) bên dưới biểu đồ để xem tỷ lệ phần trăm cho mỗi nhóm chủng tộc/dân tộc. Chọn từ danh sách thả xuống "Tuổi" để xem tỷ lệ phần trăm cho từng nhóm tuổi.

Dữ liệu được thu thập từ 1,985,073 người, nhưng chỉ có dữ liệu chủng tộc/dân tộc cho 953,326 (48.0%) người. CDC đang làm việc với các tiểu bang để cung cấp thêm thông tin về chủng tộc/dân tộc cho số ca bệnh được báo cáo. Tỷ lệ phần trăm số ca bệnh được báo cáo có dữ liệu chủng tộc/dân tộc đang tăng lên.

Lọc theo Tuổi: Tất cả các độ tuổi

Tuổi Tất cả các độ tuổi



Xem dữ liệu

	American Indian / Alaska Native, Non-Hispanic	Asian, Non-Hispanic	Black, Non-Hispanic	Hispanic/Latino	Multiple/Other, Non-Hispanic
Tỷ lệ ca bệnh	1.4%	3.7%	21.1%	34.4%	4.1%

Cuộn để xem thông tin bổ sung

Những dữ liệu này chỉ đại diện cho các khu vực địa lý đã đóng góp dữ liệu về chủng tộc/dân tộc. Mỗi khu vực địa lý có thành phần chủng tộc và dân tộc khác nhau. Những dữ liệu này không thể khái quát chung cho toàn bộ dân cư Hoa Kỳ.

Nếu số ca bệnh được phân phối đồng đều giữa các nhóm dân tộc và chủng tộc, chúng ta dự tính sẽ thấy số ca bệnh cao hơn trong các nhóm dân cư có tỷ lệ đại diện cao hơn trong các khu vực địa lý đã đóng góp dữ liệu.

Số ca bệnh và tử vong trong nhân viên chăm sóc y tế

Dữ liệu được thu thập từ 1.985.072 người, nhưng tình trạng nhân viên chăm sóc y tế chỉ có sẵn cho 433.885 (21,9%) người. Trong số 84.557 ca mắc COVID-19 trong lực lượng nhân viên chăm sóc y tế, số liệu tử vong chỉ có sẵn cho 54.442 (64,4%).

SỐ CA BỆNH TRONG LỰC LƯỢNG HCP

84.557

SỐ CA TỬ VONG TRONG LỰC LƯỢNG HCP

469

CDC đã chuyển các thông tin sau sang trang [Dữ liệu về số ca bệnh COVID-19 trước đây ở Hoa Kỳ](#).

- Cấp độ lây truyền cộng đồng theo khu vực phân quyền - cập nhật lần cuối ngày 18 tháng 5 năm 2020
- Tổng số ca bệnh theo ngày - cập nhật lần cuối ngày 28 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo nguồn phơi nhiễm - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh từ Vũ Hán, Trung Quốc và du thuyền Diamond Princess - cập nhật lần cuối ngày 16 tháng 4 năm 2020
- Số ca bệnh theo ngày bắt đầu bệnh - cập nhật lần cuối ngày 15 tháng 4 năm 2020

Được Cập Nhật Hàng Ngày

Trang này được cập nhật hàng ngày dựa trên dữ liệu được xác nhận lúc 4:00 giờ chiều giờ miền Đông vào ngày hôm trước.



Theo báo cáo của Sở Y tế của khu vực phân quyền

Dữ liệu trên trang này được sở y tế của từng khu vực phân quyền tự nguyện báo cáo cho CDC. CDC khuyến khích mọi khu vực phân quyền báo cáo thông tin chính xác và hoàn chỉnh nhất thể hiện tốt nhất tình hình đại dịch hiện tại của khu vực họ.

Số khu vực phân quyền

Hiện đã có 56 khu vực phân quyền thuộc Hoa Kỳ báo cáo số ca bệnh COVID-19. Các khu vực phân quyền này bao gồm 50 tiểu bang, Thủ đô Washington, Đảo Guam, Thành phố New York, Quần đảo Bắc Mariana, Puerto Rico và Quần đảo Virgin thuộc Hoa Kỳ. Số ca bệnh và tử vong của Tiểu bang New York không bao gồm số lượng của Thành phố New York vì chúng là hai khu vực phân quyền riêng biệt.

Số lượng xác nhận và có thể có

Tính đến ngày 14 tháng 4, 2020, số ca CDC và số ca tử vong bao gồm cả những ca đã xác nhận nhiễm và các ca có thể nhiễm và số ca tử vong. Sự thay đổi này được thực hiện nhằm thể hiện [báo cáo tình hình tạm thời về COVID-19](#)   do Hội Đồng Các Nhà Dịch Tễ Học Lãnh Thổ và Tiểu Bang ban hành vào ngày 5 tháng 4 năm 2020. Báo cáo quan điểm này bao gồm định nghĩa về ca bệnh và làm cho COVID-19 trở thành căn bệnh phải khai báo trên toàn quốc. Các trường hợp bệnh đáng chú ý trên toàn quốc được các khu vực phân quyền tự nguyện báo cáo cho CDC.

Một ca xác nhận nhiễm hoặc tử vong được xác định bằng việc đáp ứng đầy đủ bằng chứng xét nghiệm xác nhận đối với COVID-19.

Một ca có khả năng nhiễm hoặc tử vong được xác định bằng một trong các hình thức sau:

- Đáp ứng tiêu chí lâm sàng VÀ bằng chứng dịch tễ học mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID-19
- Đáp ứng bằng chứng xét nghiệm giả định VÀ tiêu chí lâm sàng HOẶC bằng chứng dịch tễ học
- Đáp ứng tiêu chí về chỉ số sinh tồn mà không thực hiện xét nghiệm tại phòng thí nghiệm để xác nhận nhiễm COVID19

Không phải tất cả các khu vực phân quyền đều báo cáo số ca bệnh và tử vong được xác nhận hoặc có thể xảy ra cho CDC. Khi không có báo cáo cho CDC, thông tin này được ghi là không có (N/A).

Độ Chính Xác của Dữ Liệu

CDC không biết chính xác số lượng trường hợp mắc bệnh COVID-19, nhập viện và tử vong vì nhiều lý do. COVID-19 có thể gây ra bệnh nhẹ, các triệu chứng có thể không xuất hiện ngay lập tức, có độ trễ trong báo cáo và xét nghiệm, không phải ai bị nhiễm đều được xét nghiệm hoặc tìm kiếm sự chăm sóc y tế, và có thể có sự khác biệt về cách xác nhận số liệu của các khu vực phân quyền.

Các thay đổi và biến động dữ liệu

Các sở y tế có thể cập nhật dữ liệu về số ca bệnh theo thời gian khi họ nhận được thông tin đầy đủ và chính xác hơn.

Số ca bệnh mới được báo cáo mỗi ngày sẽ biến đổi. Nói chung là sẽ có ít báo cáo hơn vào cuối tuần và ngày lễ.

Sự khác biệt về dữ liệu của CDC và khu vực phân quyền

Nếu số ca bệnh hoặc tử vong theo báo cáo của CDC khác với số liệu theo báo cáo của các sở y tế của khu vực phân quyền, dữ liệu theo báo cáo của các khu vực phân quyền sẽ được coi là mang tính cập nhật nhất. Sự khác biệt có thể là do thời gian báo cáo và cập nhật trang web.

Thông Tin Thêm

[COVIDView - Tóm Tắt Giám Sát Hàng Tuần về Hoạt Động Ứng Phó COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Dữ Liệu Trước Đó về Ca Bệnh COVID-19 tại Hoa Kỳ](#)

[Câu Hỏi Thường Gặp: Dữ Liệu và Giám Sát Tình Hình COVID-19](#)

[Dữ Liệu Xét Nghiệm tại Hoa Kỳ](#)

[Bản Đồ Thế Giới](#)

[Sở Y Tế](#)

Lần cuối kiểm tra trang này: Ngày 24 Tháng Sáu năm 2020

Nguồn nội dung: Trung Tâm Quốc Gia về Chủng Ngừa và Bệnh Hô Hấp (NCIRD), Phân Ban Bệnh Do Vi-rút